TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2024
V/v: Chị Nguyễn Thị U xin ly hôn anh Nguyễn Khánh Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

**** Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn Đ, xã P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Khánh Th**, sinh năm 1974; nơi thường trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện nay: Công ty Sợi Trà Lý, thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị U trình bày***:

Năm 2001, chị và anh Nguyễn Khánh Th đăng ký kết hôn lần thứ nhất và có một con chung là Nguyễn Thị G. Năm 2006, do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị và anh Th đã được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình công nhận cho thuận tình ly hôn theo Quyết định số 01/QĐTTLH ngày 16 tháng 01 năm 2006. Năm 2008, chị và anh Th đăng ký kết hôn lần thứ hai tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2008 ngày 27 tháng 6 năm 2008. Từ khi quay về đoàn tụ, cuộc sống chung giữa anh chị vẫn không có hạnh phúc, liên tục xảy ra cãi vã và từ năm 2015 đến nay anh chị hầu như sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Th.

Chị và anh Nguyễn Khánh Th có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Đối với con G đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con K, hiện đang ở với chị, chị đề nghị được nuôi dưỡng con K và không yêu cầu anh Th phải đóng góp tiền nuôi con K cùng chị. Hiện chị làm nghề nấu ăn, thu nhập bình quân từ 06 triệu đến 08 triệu/01 tháng. Về công việc và thu nhập của anh Th, chị không biết.

Chị và anh Nguyễn Khánh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản chung.

Chị đề nghị Tòa án không hòa giải, xét xử vắng mặt chị, chị tự nguyện nộp án phí ly hôn phần của chị và phần của anh Th nếu anh Th phải nộp.

**** Tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 11 năm 2024, bị đơn anh Nguyễn Khánh Th trình bày***:

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Khánh Th trình bày như chị U đã khai. Sau kết hôn lần 2 vào năm 2008 anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị U xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh đồng ý ly hôn với chị U.

Anh và chị Nguyễn Thị U có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Con G đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con K hiện đang ở với chị U, chị U xin nuôi con K và không yêu cầu anh đóng góp tiền nuôi con K, anh đồng ý.

Anh và chị Nguyễn Thị U không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản chung.

Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

**** Tại văn bản trình bày đề ngày 25 tháng 10 năm 2024, cháu Nguyễn Đăng K trình bày:***

Bố đẻ cháu là Nguyễn Khánh Th. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị U. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11 tháng 11 năm 2024, ông Nguyễn Quang T (bố đẻ anh Nguyễn Khánh Th) trình bày:***

Anh Th và chị U đăng ký kết hôn lần 1 vào năm 2001, ly hôn năm 2006 và đăng ký kết hôn lần 2 năm 2008. Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Đầu năm 2024, anh Th nói chuyện với gia đình là giữa anh và chị U có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Theo ông nhận thấy chị U là người sống không có tình cảm, không có trách nhiệm với chồng và gia đình chồng. Nay đối với việc ly hôn, giải quyết về nuôi con chung của anh chị, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Th và chị U không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến ông và gia đình ông.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị U và anh Th được ly hôn. Chị U và anh Th có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng

7 năm 2008. Đối với con G đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết. Đối với con K, đề nghị giao cho chị U nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng cho con K. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị U khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Khánh Th, anh Th có nơi thường trú tại xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 14 tháng 11 năm 2024, chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị U và anh Th.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2001, chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th đăng ký kết hôn lần thứ nhất. Năm 2006, anh chị thuận tình ly hôn theo Quyết định số 01/QĐTTLH ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình. Năm 2008, anh chị đăng ký kết hôn lần thứ hai tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2008 ngày 27 tháng 6 năm 2008, như vậy, hôn nhân giữa anh chị hợp pháp. Quá trình chung sống kể từ khi quay về đoàn tụ, giữa anh chị vẫn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, liên tục xảy ra cãi vã. Chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Th. Về phía anh Th, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh đồng ý ly hôn với chị U. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị U và anh Th là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị U và anh Th.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Xét thấy: Con G hiện đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, anh chị không yêu cầu, Tòa án không đặt ra giải quyết. Con K hiện đang ở với chị U, chị U có công việc, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con, tại Tòa án, chị U xin nuôi con, anh Th đồng ý. Như vậy, để cho con K ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập, Hội đồng xét xử cần xử giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng con K là phù hợp pháp luật, phù hợp nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng cho con K, xét việc chị U không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là tự nguyện, không trái pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên anh chị phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xét việc chị U tự nguyện chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th có hai con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2001 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2008. Đối với con G hiện đã trưởng thành, tự lập

được cuộc sống, anh chị không yêu cầu, Tòa án không đặt ra giải quyết. Đối với con K sẽ do chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng cho con K cùng chị U. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị U đã nộp tạm ứng, như vậy, chị U được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Biên lai số 0001743 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Khánh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 24/2008 ngày 27 tháng 6 năm 2008);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương